

ĐỀ TÀI *OAN* VÀ *GIẢI OAN* TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Trần Thu Hiền

Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương

E-mail: tranhienvan@gmail.com

Tóm tắt. *Oan* và *giải oan* của con người là một đề tài khá phổ biến trong văn học Việt Nam thời trung đại. Đề tài này đã xuyên suốt nhiều thế kỉ văn học, từ tác phẩm *Tổ gia thực lục* thế kỉ XIV, thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi thế kỉ XV, truyện *Truyện kì* của Nguyễn Dữ thế kỉ XVI, truyện Nôm thế kỉ XVIII và ngâm khúc thế kỉ XIX. Hiện tượng con người phải chịu những nỗi *oan* uống đã phần nào cho chúng ta thấy thực trạng xã hội phong kiến đương thời. Vì vậy, nhu cầu được *giải oan* không chỉ là niềm khao khát của cá nhân mà trở thành khao khát của cả thời đại đòi công lí, chính nghĩa cho những người vô tội.

1. Mở đầu

Trong cuộc đời mỗi con người, một việc đáng sợ và bất hạnh là bị đổ tội, gieo vạ, vu báng dẫn đến việc phải chịu hình phạt hoặc phải chết. Đó chính là nỗi *oan* mà không ít người đã gặp phải. Và hành trình *giải oan* như một lẽ tất yếu để tìm lại công bằng, chính nghĩa cho những người vô tội. Từ cuộc đời, *oan* và *giải oan* đã đi vào văn chương. Văn học trung đại Việt Nam đã có rất nhiều tác phẩm đề cập đến đề tài này. Bởi đây là một hiện tượng đặc biệt trong đời sống tinh thần người Việt. Nó không chỉ là một mảng hiện thực đời sống mà còn thể hiện tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa của dân tộc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm *oan* và *giải oan*

2.1.1. Khái niệm *oan*

Trong thực tế đời sống, khái niệm *oan* được hiểu nhiều cách. Thứ nhất, *oan* là do tai vạ và vu vợ quàng vào thân, đeo bám lấy số phận khiến *oan* chồng lên *oan*. Thứ hai, *oan* là bị người khác quy cho tội mà bản thân không gây nên, phải chịu sự trừng phạt mà bản thân không đáng phải chịu. Điều này cũng đồng nghĩa với cách hiểu, *oan* là bị quy tội không đúng, chịu sự trừng phạt một cách sai trái, vô lý. Thứ ba, *oan* là trái với lẽ công bình, ngược với lẽ phải với nhiều sự mù mờ, không rõ ràng, ranh mạch.

Nói đến *oan* của người trung đại chúng ta phải đặt trong thời đại của nó, có nghĩa là phải đặt trong môi trường và tinh thần trung đại. Người trung đại có đặc điểm: “Tâm lí nhẹ dạ cả tin là một điều phổ biến... Lòng tin ở những điều nhảm nhí, nào là súc vật biết nói, nào ma quỷ vào nhà, nào phép chữa bệnh kì diệu, việc tôn thờ thánh cốt và các vật thiêng khác, việc giải thích các hiện tượng xã hội bằng vị trí của thiên thể và điềm siêu nhiên khác...” [6;188]. Lẽ đương nhiên “không phải người ta tin ở mọi thần tích, hẳn là trong ý thức vẫn có danh giới của sự thực và điều hư trá cũng như vẫn có sự phân biệt giữa cái tự nhiên và cái siêu nhiên. Người ta vẫn cho rằng thông thường thì quan hệ nhân quả tự nhiên tác động nhưng trong những điều kiện nhất định thì nó ngừng tác động và thần tích hoạt động” [6;188].

2.1.2. Khái niệm *giải oan*

Tìm hiểu khái niệm *giải oan*, trước hết chúng tôi làm rõ nghĩa của từ *giải*. *Giải* được hiểu là sự mở ra, tháo vòng vây, cởi trói. Nói như vậy, *giải oan* là cởi nổi *oan* hay gỡ đi mối *oan* ỨC. *Giải oan* cũng có nghĩa là làm cho hết nổi *oan* bằng cách mở ra sự thực một cách rõ ràng, gỡ đi những mối ngờ không phải, không đúng, đền bù cho mát mát phải gánh chịu trước đó.

Bên cạnh khái niệm *giải oan*, trong cuộc sống còn xuất hiện khái niệm *tố oan*, *tẩy oan*, *minh oan*. *Tố oan* là phơi bày nổi *oan* ỨC; *tẩy oan* là rửa hết, làm cho sạch hết *oan*; *minh oan* là sử dụng chứng cứ và lí lẽ để làm rõ, làm sáng tỏ mọi điều, lấy sự trong sạch cho bản thân một ai đó mắc *oan*.

2.2. Đề tài *oan* và *giải oan* trong văn học trung đại Việt Nam

2.2.1. Đề tài *oan* và *giải oan* trong văn học trung đại từ thế kỉ X đến thế kỉ XV

Thế kỷ X – XV đã có không ít tác phẩm văn học viết về nổi *oan* và cách giải *oan* của con người, trong đó có truyện ngắn trung đại. Ngay từ những năm cuối thế kỷ XIV, tác giả Trần Thế Pháp trong tập Lĩnh Nam trích quái lục đã viết *Rùa vàng* kể về nổi *oan* của My Châu. My Châu trong sáng, trung tín nhưng vì nhẹ dạ, cả tin bị chồng là Trọng Thủy lừa dối chuốc lấy nổi *oan*, bị coi là giặc, mang tội với vua cha (bất hiếu) và mang tội với đất nước (bất trung).

Khi vua cha An Dương Vương rút kiếm chém My Châu. My Châu ngửa mặt lên trời mà khẩn rằng: “Thiếp là phận con, nếu có lòng phản nghịch, mưu hại đến cha thì chết hoá thành cát bụi, nhục bằng một lòng trung tín, bị người dối lừa, chết sẽ hoá làm ngọc châu để rửa nổi nhục này.”

Cái chết của My Châu đã thể hiện tấm lòng trong sạch của mình, ứng nghiệm lời nàng cầu khẩn trước trời đất: “My Châu chết bên bờ bể, máu chảy xuống nước, loài trai sò ăn vào, hoá thành ngọc minh châu; “xác nàng hoá thành ngọc thạch”.

Trọng Thủy - người chồng - gây ra nổi *oan* - phải giải *oan* cho My Châu. Minh chứng là Ngọc Châu được rửa bằng nước giếng nơi Trọng Thủy chết thì ngọc càng sáng hơn. Điều đó cho thấy rằng: Trọng Thủy là người gây nên nổi *oan* cho My Châu. Vậy, chính Trọng Thủy phải rửa nổi *oan* đó. Bằng chứng là: “Về sau, ai có được ngọc minh châu ở bể Đông”, “lấy nước giếng này để rửa (nước giếng nơi Trọng

Thủy gieo mình xuống chết) “thì ngọc càng sáng hơn”.

Cuối thế kỷ XIV, trong tác phẩm *Tổ gia thực lục*, tác giả (khuyết danh) còn đề cập đến nỗi oan của vị sư tổ Tự Pháp Huyền Quang. Nhà vua muốn thử thách lòng dục của vị sư tổ liền sai gái đẹp là nàng Điểm Bích, dùng sắc đẹp để quyến rũ. Gái đẹp không quyến rũ được vị sư đã nảy ra một kế: “nói dối là cha gặp cướp mất 15 nén vàng mười đem về kinh nộp thuế, bây giờ phải đi khuyển giáo thập phương, gom góp một phần công đức để cứu cha. Sư tổ đã đưa cho Điểm Bích một nén vàng”. Điểm Bích lấy được vàng bèn về nói dối nhà vua, đổ oan rằng: “Sư bèn giữ thiếp ngủ một đêm, rồi cho thiếp một nén vàng”.

Nhà vua vẫn chưa tin: “Việc này nếu quả có thực, thì tại ta đã giăng lưới cửa tử để bắt chim. Nếu đúng như thế, thì Quốc Sư khó tránh khỏi mối ngờ qua ruộng dưa sửa dếp vạy”. Vua liền cho mở hội Vô già: Trên đàn hành lễ có cả các loại tạp vật và đèn nhang của 6 lễ. Sư già vốn biết chuyện ngày nọ cung nữ đến thử. Nhìn đàn hành lễ, có các loại tạp vật thì biết ngay là vua nghi mình. Ngẩng mặt lên nhìn trời, sư già lầm rầm niệm chú: “Đám mây đen xuất hiện, làm gió cát bay mờ mịt cả bầu trời, khiến các tạp vật đều bay hết, chỉ còn lại đèn nhang của 6 lễ”. Nhà Vua - người gây ra nỗi oan - phải giải oan cho nhà sư. Nhà vua buộc phải rời chiếu lễ đến xin tạ lỗi lầm với vị sư tổ. Như vậy, sự giải oan đã đặc địa thấu đến cả trời đất và người trị vì muôn dân.

Có thể xem hai tác phẩm trên là những truyện ngắn đầu tiên viết về đề tài oan và giải oan lấy chất liệu từ văn học dân gian và nhân vật tôn giáo.

2.2.2. Đề tài oan và giải oan trong văn học trung đại thế kỷ XV– XVII

Thế kỷ XV, thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi có bài *Oán thán* viết về nỗi oan của chính tác giả khi ông bị tình nghi và bắt giam trong tình cảnh oan trái. Bài thơ được viết bằng chữ Hán:

Chữ Hán	Dịch nghĩa
<i>Phù tục thẳm trầm ngũ thập niên</i>	Nổi chìm trong phù tục đã năm chục năm
<i>Cổ sơn truyền thạch phụ tình duyên.</i>	Đành phụ tình duyên với khe và đá của núi cũ.
<i>Hư danh thực hoạ thù kham tiếu</i>	Danh hư mà hoạ thực, rất đáng buồn cười
<i>Chúng báng cô trung tuyệt khả liên.</i>	Lắm kẻ ghét một mình trung, rất đáng thương hại.
<i>Số hữu nan đào tri thị mệnh</i>	Khó trốn được số mình, biết là vì mệnh
<i>Văn như vị táng dã quan thiên.</i>	Tư văn như chưa bỏ, cũng bởi ở trời.
<i>Ngục trung độc bối không tao nhục</i>	Trong ngục viết ở lưng tờ, khi không bị nhục
<i>Kim khuyết hà do đạt thốn tiên?</i>	Cửa khuyết vàng làm thế nào mà đạt được tờ giấy lên?

Bài thơ là tâm sự của Nguyễn Trãi khi ông bị bắt giam oan ức. Nguyễn Trãi là người yêu nước nồng nàn, có nghị lực, có ý thức tự lập. Tuổi nhỏ, ông đã quyết chí học thành tài. Lớn lên, ông trở thành văn thần lỗi lạc, thành danh tướng xuất

sắc đã đóng góp nhiều công lao lớn cho đất nước. Cuộc đời Nguyễn Trãi trải nhiều thử thách, nhiều thăng trầm: Bốn lần được lên chức, ba lần bị giam giữ. Nhưng lần giam ngục cuối cùng là lần thê thảm nhất, kết thúc cuộc đời anh hùng cái thế bằng bản án tử hình oan uổng.

Đúng là:

*Công vì nước vì dân to lớn
Như Thái Sơn muôn trượng trùng trùng
Lộc vua hưởng chứa mấy chung
Mà cơn oan nghiệt hãi hùng xiết bao!*

Vụ án Lệ Chi Viên là vụ án bất minh, bất công trong lịch sử, buộc hai vợ chồng và cả ba họ ông cùng chết. Cũng may cuối cùng được Vua Lê Thánh Tông minh oan, hai vợ chồng ông được phục hồi danh dự. Vua Lê Thánh Tông đã viết một tờ chiếu minh oan cho Nguyễn Trãi và truy phong ông chức tước Thái Sư Tuệ Quốc Công tương đương với chức cũ là Hữu tướng quốc. Tờ chiếu minh oan gồm hai phần: Phần đầu viết lời minh oan cho Nguyễn Trãi độ 5 dòng chữ, cuối có dòng kết luận viết 7 chữ to và đậm:

Ức Trai tâm thượng quang khuê tảo

Đến phần thứ hai minh oan cho Nguyễn Thị Lộ, viết khoảng 5 dòng chữ, cuối có dòng 8 chữ kết luận:

Tiền triều nữ sĩ bất can thí tội

Vua còn truyền Bộ Lễ phái người về làng Nhị Khê lập đền thờ Nguyễn Trãi và tìm con cháu sống sót cho bổ dụng. Một con trai ông là Nguyễn Anh Vũ được lục dụng. Một con gái là Nguyễn Thị Hằng Lạc (con với bà Nguyễn Thị Lộ) được làm ái phi của Lê Thánh Tông. Việc minh oan cho Bà Nguyễn Thị Lộ cũng như vậy. Đó là niềm an ủi, là sự bù đắp cho những người oan ức thiệt thòi như Nguyễn Trãi, Nguyễn Thị Lộ được yên giấc ngàn thu nơi chín suối. Câu nói của người xưa “ở hiền gặp lành” đã minh chứng ở cuộc đời Nguyễn Trãi - Nguyễn Thị Lộ.

Sang thế kỷ XVI, tình hình xã hội không còn ổn định như ở thế kỷ trước; mâu thuẫn giai cấp trở nên gay gắt, quan hệ xã hội bắt đầu phức tạp, các tầng lớp xã hội phân hóa mạnh mẽ, trật tự phong kiến lung lay, chiến tranh phong kiến ác liệt và kéo dài, đất nước bị các tập đoàn phong kiến chia cắt, cuộc sống không yên ổn, nhân dân điêu đứng, cơ cực... Muốn phản ánh thực tế phong phú, đa dạng ấy, muốn lý giải những vấn đề đặt ra trong cuộc sống đầy biến động ấy thì không thể chỉ dừng lại ở chỗ ghi chép sự tích đời trước... Tác giả Nguyễn Dữ đã dựa vào những sự tích có sẵn, tổ chức lại kết cấu, xây dựng lại nhân vật, thêm bớt tình tiết, tu sức ngôn từ... tái tạo thành những thiên truyện mới. *Truyện kì mạn lục* vì vậy, tuy có vẻ là những truyện cũ nhưng lại phản ánh sâu sắc hiện thực thế kỷ XVI.

Tác phẩm gồm 20 truyện, viết bằng chữ Hán, theo thể loại tản văn, xen lẫn biên văn và thơ ca, cuối mỗi truyện có lời bình của tác giả hoặc của một người có cùng quan điểm với tác giả. Hầu hết các truyện xảy ra ở đời Lý, đời Trần, đời Hồ

hoặc đời Lê sơ từ Nghệ An trở ra Bắc. Lấy tên sách là *Truyện kì mạn lục*, hình như Nguyễn Dữ muốn thể hiện thái độ khiêm tốn của một người chỉ ghi chép truyện cũ. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất của các truyện thì thấy *Truyện kì mạn lục* không phải là một công trình sưu tập như *Lĩnh Nam chích quái*, *Thiên Nam vân lục*... mà là một sáng tác văn học với ý nghĩa đầy đủ của từ này. Đó là một tập truyện phóng tác, đánh dấu bước phát triển quan trọng của thể loại tự sự hình tượng trong văn học chữ Hán.

Trong 20 truyện có đến 12 truyện đã đề cập đến nỗi oan và cách giải oan của con người. Trước hết là nỗi oan của người đàn ông. Đó là nỗi oan của Từ Thúc (*Chuyện Từ Thúc lấy vợ tiên*), Sư Vô Kỉ (*Chuyện Nghiệp oan của Đào Thị*), Trình Trung Ngô (*Chuyện Cây gạo*), Viên quan họ Hoàng (*Chuyện yêu quái ở Xương Giang*), Hà Nhân (*Chuyện kỳ ngộ ở Trại Tây*), Ngô Tử Văn, vị Thổ thần (*Chuyện Chúc phán xử đền Tản Viên*) và Trọng Quý (*Chuyện Người nghĩa phụ ở Khoái Châu*). Trong 8 nhân vật nam bị mắc oan đó thì 5 nhân vật bị oan tình là Từ Thúc, Sư Vô Kỉ, Trình Trung Ngô, Viên quan họ Hoàng và Hà Nhân; 1 nhân vật bị oan bạc là Trọng Quý; 1 nhân vật bị nghi oan là Ngô Tử Văn và 1 nhân vật bị cướp oan là vị Thổ thần. Nhân vật đàn ông bị oan có cả văn nhân (Từ Thúc, Hà Nhân, Ngô Tử Văn), nhà sư (Vô Kỉ), lái buôn (Trình Trung Ngô), và quan lại (viên quan họ Hoàng). Như vậy, dù ở thành phần, địa vị nào người đàn ông cũng có thể gặp nỗi oan. Điều đó cho thấy sự rối ren, tiêu cực trong xã hội đương thời. Trước đây, chúng ta hay nói đến số phận bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Nhưng khi xã hội đã điêu tàn, mục ruỗng thì con người trong xã hội đó sẽ gặp bất hạnh không cứ gì đàn ông hay đàn bà. Lẽ đương nhiên, gặp oan thì phải giải oan. Mong muốn giải oan là khát khao của mỗi cá nhân gặp oan. Có đến 6/8 nhân vật nam đã tự mình giải nỗi oan khiên. Ngoài ra còn có những lực lượng phù trợ tham gia giải oan như vua, diêm vương, trời... Điều đó cho thấy sự chủ động, tích cực đấu tranh của những người đàn ông thế kỉ XVI. Thông qua việc giải oan của họ, Nguyễn Dữ muốn nhấn nhủ rằng con đường đi đến hạnh phúc là con đường của sự đấu tranh, đấu tranh đến cùng, không khoan nhượng với các thói hư, tật xấu của xã hội.

Bên cạnh nỗi oan của người đàn ông là nỗi oan của người phụ nữ. *Truyện kì mạn lục* đề cập đến nỗi oan và cách giải oan của 12 nhân vật nữ trong 11 truyện. Đó là nhân vật Vũ Thị Thiết (*Người con gái Nam Xương*), Ngô Chi Lan (*Cuộc nói chuyện thơ ở Kim Hoa*), Từ Nhị Khanh (*Người nghĩa phụ ở Khoái Châu*), Lệ Nương (*Chuyện Lệ Nương*), Thúy Tiêu (*Chuyện nàng Thúy Tiêu*), Dương thị (*Cuộc đối tụng ở Long Cung*), Đào Hồng Nương – Liễu Nhu Nương (*Chuyện kỳ ngộ ở Trại Tây*), Giáng Hương (*Từ Thúc lấy vợ tiên*), Thị Nghi (*Chuyện Yêu quái ở Xương Giang*), Nhị Khanh (*Chuyện Cây gạo*) và Hàn Than (*Nghiệp oan của Đào thị*). Trong đó, 8/12 nhân vật nữ có một nỗi oan còn lại 4/12 nhân vật nữ gặp đến hai nỗi oan, khiến oan chồng lên oan. Các nhân vật nữ gặp 4 nỗi oan cơ bản: bị nghi oan, bị bắt/cướp oan, bị lừa oan và bị chết oan. Điều đáng nói là nhân vật nữ bị chết oan có tỷ lệ rất cao (8/12 nhân vật), cho thấy số phận nghiệt ngã đối với họ. Những người phụ nữ có phẩm hạnh cũng mắc oan (Vũ Thị Thiết, Từ Nhị Khanh, Ngô Chi Lan, Lệ Nương, Thúy Tiêu, Dương thị) mà sống phóng túng tự do cũng

mắc oan (Đào Hồng Nương – Liễu Nhu Nương, Giáng Hương, Thị Nghi, Nhị Khanh, Hàn Than). Điều đó cho thấy trong xã hội phong kiến, người phụ nữ sống kiểu nào chung cuộc vẫn gặp bất hạnh. Nguyễn Dữ đã hóa thân những nhân vật nữ của mình trong vỏ bọc của con người, của hồn ma, hồn hoa, tiên nữ để thoải mái bộc lộ những tư tưởng tiến bộ về cuộc sống và quan niệm nhân sinh. Qua đó, tác giả muốn gửi gắm ước mơ hạnh phúc, khát vọng tự do cho con người.

Mong muốn được giải oan cũng là nhu cầu sống còn của những người phụ nữ liễu yếu, đào tơ này. Nếu nhân vật nam tự giải oan cho mình chiếm tỷ lệ cao nhất thì nhân vật nữ phải cần đến các lực lượng phù trợ khác tham gia vào quá trình giải oan như trời, diêm vương, vua, người gây ra nỗi oan, chồng/người yêu. Điều đó cho thấy, trong xã hội phong kiến người phụ nữ phải chịu quá nhiều rào cản về tư tưởng, quan niệm nên chưa thực sự chủ động, tự tin tự mình giải thoát khỏi nỗi oan khiên. Để giải oan cho họ, Nguyễn Dữ đã phải sử dụng các yếu tố kỳ ảo và sự trợ giúp của các lực lượng phù trợ. Có như thế tác giả mới đưa được nhân vật nữ của mình đến kết thúc có hậu "ở hiền gặp lành".

2.2.3. Đề tài oan và giải oan trong văn học trung đại thế kỷ XVIII – XIX

Tiếp nối đề tài viết về nỗi oan từ các thế kỷ trước, thế kỷ XVIII – XIX xuất hiện các tác phẩm truyện Nôm, khúc ngâm viết về nỗi oan của con người. Truyện Nôm *Quan Âm Thị Kính* kể về nỗi oan chồng nỗi oan mà Thị Kính phải chịu đựng trong suốt cả cuộc đời. Vốn là một người con gái ngoan hiền, có tài năng, nhan sắc và phẩm hạnh, Thị Kính được chọn làm dâu cho gia đình họ Sùng. Thị Kính đã sống trọn đạo của một người con dâu hiếu thảo, một người vợ hiền thực, đảm đang. Thế nhưng cuộc đời không "xuôi chèo mát mái" với Thị Kính chỉ vì một sự việc khó giải trình, một sự ngẫu nhiên không may. Chẳng là nàng ngồi khâu bên anh chồng đang say sưa đọc sách. Rồi bỗng anh chồng thiu thiu ngủ. Quay sang ngắm chồng, nàng thấy chàng có chiếc râu mọc ngược. Sẵn con dao khâu trên tay, nàng đưa dao định cắt chiếc râu mọc ngược ấy vì cho nó là điềm không lành. Song khi vừa dơ dao lên thì anh chồng Thiện Sỹ mở bừng mắt. Nàng rụt dao lại nhưng anh chồng thất thần không hiểu động cơ tốt đẹp của vợ đã la làng lên rằng nàng toan "giết chồng". Người nhà Thiện Sỹ chạy ra và họ chỉ tin lời con trai họ chứ làm sao tin lời con dâu. Thế là nàng bị đổ tội và mắc vào điều oan: "âm mưu giết chồng". Tình thì ngay mà lý thì gian, Thị Kính chẳng thể biện minh cho hành động cầm dao của nàng. Thị Kính bị gia đình nhà chồng giao trả về nhà cha mẹ đẻ. Vô hình dung Thị Kính đã đem nỗi nhục đó để báo hiếu với cha mẹ sinh thành. Cha mẹ nàng đâu có hiểu con gái mình nhưng cũng không thể biện giải hết điều tiếng với xóm giềng. Nỗi oan giết chồng không chỉ làm cho Thị Kính đau đớn cả về thể xác lẫn tâm hồn mà còn triệt cả con đường sống của Thị Kính. Thử hỏi Thị Kính có dám trở về nhà cha mẹ mình nữa không khi đã xuất giá tòng phu???

Xã hội Nho giáo không có chỗ dung thân cho người đàn bà mang tội "âm mưu giết chồng" như Thị Kính. Muốn sống, nàng phải thay hình đổi dạng và chỉ còn cách là đi tu. Thị Kính đã cải trang thành nam giới, thay tên đổi họ là Kính Tâm đến tu ở chùa Vân Tuệ. Thế nhưng chốn tu hành vẫn dòn đuổi nàng, chất lên nàng nỗi

oan ức thứ hai, cay đắng, xót xa, tủi hờn hơn. Ở chùa Vân Tuệ có Thị Màu – con gái của Phú hộ trong làng hay lên chùa đã để ý đến chú tiểu Kính Tâm, đem lòng tơ tưởng. Màu vốn lẳng lơ, đã ăn nằm với đứa người ở trong nhà có thai. Khi bị tra khảo, Màu đổ vấy cái thai đó là của Kính Tâm. Cấn răng chịu đựng, Kính Tâm phải chịu Làng đánh và bắt khoán. Đến lúc Màu sinh con, thị đem ra chùa “trả” cho Kính Tâm. Kính Tâm nhận đứa bé đổ hỗn vô tội chăm sóc, nuôi nấng trong sự mĩa mai, sỉ nhục của người đời. Khi đứa bé lên 3 tuổi, Kính Tâm mắc bệnh hiểm nghèo, biết mình khó qua khỏi, nằng viết thư cho cha mẹ kể hết sự tình. Khi khâm niệm thi hài, nhà chùa mới biết Kính Tâm là con gái. Nỗi oan bấy lâu nay được giải toả. Thị Kính được siêu thăng thành Phật cứu độ chúng sinh.

Bên cạnh đó, kiệt tác *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du cũng miêu tả nỗi oan của người đàn ông – vị tướng tài ba Từ Hải. Chàng là một hình tượng đẹp mang tính cách anh hùng lí tưởng, mang khát vọng tự do, chiến đấu vì công lí chính nghĩa. Tuy nhiên kết cục cuộc đời người anh hùng ấy lại là cái chết oan khiên vì nghe lời người tri kỷ quay về dưới trướng của triều đình phong kiến:

*Khí thiêng khi đã về thần
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng
Trơ như đá vững như đồng
Ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng rời.*

Sống phi thường, chết cũng phi thường, vãn đầu đội trời, chân đạp đất. Từ Hải chết oan vì mắc lừa Hồ Tôn Hiến và cũng vì quá yêu, son sắt với Thúy Kiều. Từ chấp nhận từ bỏ khát vọng sống tự do phóng khoáng để trở về với khuôn khổ của triều đình phong kiến theo lời khuyên của Thúy Kiều. Mà Thúy Kiều lại bị Hồ Tôn Hiến lừa oan. Thực chất đó là mảnh khốe đê tiện của Hồ Tôn Hiến dụ Từ ra khỏi hang hùm vì biết được vị trí của Kiều trong lòng Từ. Thúy Kiều quá cả tin và chính sự cả tin ấy đã đưa Từ vào chỗ chết. Từ lại quá tự tin và chủ quan nên khi tình thế đảo ngược phần uất mà chết đứng. Một người anh hùng từng “đọc ngang nào biết trên đầu có ai” giờ ở vào thế “hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn”. Vậy thì chỉ có Kiều là người hiểu rõ chân tơ kẽ tóc của sự việc, chỉ có Kiều mới có thể minh oan cho Từ. Kiều khóc mà rằng:

*Khóc rằng “trí dũng có thừa,
Bởi nghe lời thiếp nên cơ hội này!
Tin tôi nên quá nghe lời
Dem thân bách chiến làm tôi triều đình
Ngỡ là phú quý phụ vinh
Ai ngờ một phút tan tành thịt xương
Năm năm trời bẽ ngang tang
Dem mình đi bỏ chiến trường như không.*

Cùng với tiếng khóc, Kiều ân hận, day dứt và chỉ có thể lấy cái chết để chuộc tội mà thôi. Khi hành động “dứt lời nằng cũng gieo đầu một bên” của Kiều vừa diễn